TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 245/2023/DS-PT
Ngày: 11/9/2023
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh**– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3097/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, Văn phòng L1; Địa chỉ: số C, đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Lê Thị Diệu H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956; Địa chỉ: khu phố B, phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962; Địa chỉ: đội A, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Văn Thị D; Địa chỉ: đội A, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Minh T3 và chị Nguyễn Thị Kiều O; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện H; Địa chỉ: số B, đường H, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Xuân N - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ba mẹ của bà T là ông Nguyễn K, sinh năm 1913, chết ngày 14/02/1999 (*Bản sao Trích lục khai tử số 153/TLKT-BS ngày 31/5/2018*) và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1923, chết ngày 12/11/2009 (*Bản sao Trích lục khai tử số 152/TLKT-BS ngày 31/5/2018*). Ông K, bà T4 sinh được 04 người con: bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn P1 (chết năm 1968 là Liệt sỹ). Ba của bà T có 01 người con riêng là ông Nguyễn Thanh T1. Ngoài ra, ba mẹ bà T không có con nuôi. Ba, mẹ của bà T qua đời nhưng không để lại di chúc, di sản của ba, mẹ bà T để lại là:

+ Quyền sử dụng diện tích đất 4765m^2, trong đó: đất ở 200m^2, đất vườn 4565m^2, tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16 theo GCNQSDĐ số C 938471 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/01/1994 cho ông Nguyễn K.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 3040m^2, tại thửa đất số 887, tờ bản đồ số 16;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 893m^2, tại thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 16;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 381m^2, tại thửa đất số 456, tờ bản đồ số 15;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 161m^2, tại thửa đất số 527, tờ bản đồ số 15;

Các thửa đất trên đều có địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H tỉnh Quảng Trị;

Sau khi ông K qua đời, ông Nguyễn Thanh T1 và Văn Thị D tự mình tiến hành các thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp GCNQSDĐ, cụ thể: GCNQSDĐ số AL 189258 cấp ngày 13/11/2006, tại thửa đất số 888, tờ bản đồ số 16, diện tích 4188m^2, trong đó: 200m^2 đất ở và 3988m^2 đất trồng cây hàng năm khác, mang tên người sử dụng đất ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D; GCNQSDĐ số AI 189450 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 887, tờ bản đồ số 16, diện tích 3040m^2 mang tên hộ ông Nguyên Thanh T5 và bà Văn Thị D; GCNQSDĐ số AI 189451 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa

đất số 1141, tờ bản đồ số 16, diện tích 893m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D; GCNQSDĐ số AI 189452 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 456, tờ bản đồ số 15, diện tích 381m^2 mang tên người sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D; GCNQSDĐ số AI 189453 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 527, tờ bản đồ số 15, diện tích 161m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D; địa chỉ các thửa đất: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh QuảngTri;

Sau khi ông K chết thì bà T4 là người ở trên đất và 03 chị em gái bà T phụ giúp bà T4 canh tác. Gia đình ông T1, bà D không cùng hộ khẩu với bà T4 mà có hộ khẩu riêng và ở tại phía bên ngoại (*bên phía nhà bà* D). Việc cấp các GCNQSDĐ nêu trên mang tên người sử dụng đất: Hộ Nguyên Thanh T5 và Văn Thị D không những không hợp pháp vì chưa được giải quyết về thừa kế mà còn làm mất đi quyền sử dụng đất của bà T4 khi bà còn sống. Ngày 16/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện H đã ra Quyết định số 669/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ số AL 189258 cấp ngày 13/11/2006, mang tên người sử dụng đất ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D. Còn GCNQSDĐ số AI 189450 cấp ngày 13/11/2006, GCNQSDĐ số AI 189451 cấp ngày 13/11/2006, GCNQSDĐ số AI 189452 cấp ngày 13/11/2006, GCNQSDĐ số AI 189453 cấp ngày 13/11/2006 mang tên người sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D Ủy ban vẫn không thu hồi. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế và hủy các GCNQSDĐ đã cấp nêu trên, cụ thể:

- Yêu cầu chia di sản là:

+ Quyền sử dụng diện tích đất 4765m^2, trong đó: đất ở tại nông thôn 200m, trồng cây hàng năm khác 4565m^2, tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16 theo GCNQSDĐ số C 938471 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/01/1994 cho ông Nguyễn K.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 3040m^2, tại thửa đất số 887, tờ bản đồ số 16;

+Quyền sử dụng diện tích đất 893m^2, tại thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 16;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 381m^2, tại thửa đất số 456, tờ bản đồ số 15;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 161m^2, tại thửa đất số 527, tờ bản đồ số 15;

Cho 04 đồng thừa kế và bà T yêu cầu được hưởng: 1190m^2 (đất ở tại nông thôn 50m2, trồng cây hàng năm khác 1140m^2), tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16 theo GCNQSDĐ số C 938471 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/01/1994 cho ông Nguyễn K; 893m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 16. Diện tích quyền sử dụng bà T yêu cầu được hưởng có giá trị ước tính 200.000.000 đồng.

- Yêu cầu hủy một phần Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân xã Hải Phú số 1569/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện H ngày 13/11/2006;

- Yêu cầu hủy các GCNQSDĐ sau: GCNQSDĐ số AI 189450 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 887, tờ bản đồ số 16, diện tích 3040m^2 mang tên hộ

ông Nguyên Thanh T5 và bà Văn Thị D; GCNQSDĐ số AI 189451 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 16, diện tích 893m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D; GCNQSDĐ số AI 189452 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 456, tờ bản đồ số 15, diện tích 381m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D ; GCNQSDĐ số AI 189453 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 527, tờ bản đồ số 15, diện tích 161m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/9/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế và hủy giấy CNQSD đất sau:

+ GCNQSDĐ số AI 189450 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 887, tờ bản đồ số 16, diện tích 3040m^2 mang tên hộ ông Nguyên Thanh T5 và bà Văn Thị D;

+ GCNQSDĐ số AI 189451 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 16, diện tích 893m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D;

+ GCNQSDĐ số AI 189452 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 456, tờ bản đồ số 15, diện tích 381m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D;

+ GCNQSDĐ số AI 189453 cấp ngày 13/11/2006 tại thửa đất số 527, tờ bản đồ số 15, diện tích 161m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia Quyền sử dụng diện tích đất 4765m^2 (*kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ là 4.365m^2*) tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16 theo GCNQSDĐ số C 938471 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/01/1994, mang tên ông Nguyễn K, trên đất có ngôi nhà cấp 4 đồng ý giao cho ông Nguyễn Thanh T1. Đồng ý cắt diện tích đất gắn liền ngôi nhà cấp 4 giao cho ông T1, diện tích còn lại đề nghị Tòa án chia 4 phần bằng nhau cho 4 đồng thừa kế, gồm: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Thanh T1.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Năm 2006 gia đình ông T1 được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất cụ thể như sau:

Thửa đất số 887, tờ bản đồ số 16, diện tích 3040m^2; Thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 16, diện tích 893m^2; Thửa đất số 456, tờ bản đồ số 15, diện tích 381m^2; Thửa đất số 527, tờ bản đồ số 15, diện tích 161m^2.

Các thửa đất nói trên gia đình ông T1 được giao sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ, thời điểm được giao đất, gia đình ông T1 có 04 nhân khẩu gồm: Ông Nguyễn Thanh T1, bà Văn Thị D (*vợ ông* T1) 5, anh Nguyễn Minh T3 (*con ông* T1).

- Ngày 16/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành Quyết định số 669/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 189258 đã cấp ngày 19/12/2006 cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D.

Tuy nhiên, theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 189258 thì ý nguyện của bà T4 trước khi chết là để lại phần đất thuộc quyền sở hữu của bà T4 cho ông T1 theo giấy chuyển quyền sử dụng đất ở ngày 07/6/2006 (*trước khi mất bà* T4 *ở cùng ông* T1 *là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ *Chị* Văn Thị D*, anh* Nguyễn Minh T3*, chị* Nguyễn Thị Kiều O*:*

Thống nhất như ý kiến của ông Nguyễn Thanh T1.

+ *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà* Nguyễn Thị P *và bà* Nguyễn Thị T2 *trình bày:*

Thống nhất như ý kiến của nguyên đơn và đề nghị Tòa án phân chia Quyền sử dụng diện tích đất 4765m^2 (*kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ là 4.365m2*) tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16 theo GCNQSDĐ số C 938471 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/01/1994, mang tên ông Nguyễn K, trên đất có ngôi nhà cấp 4 đồng ý giao cho ông Nguyễn Thanh T1. Đồng ý cắt diện tích đất gắn liền ngôi nhà cấp 4 giao cho ông T1, diện tích còn lại đề nghị Tòa án chia 4 phần bằng nhau cho 4 đồng thừa kế, gồm: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Thanh T1.

+ UBND huyện H *trình bày:*

Đối với yêu cầu của người khởi kiện về chia di sản thừa kế diện tích 4.765 m đất (*trong đó: 200 m đất ở và 4.565 m đất vườn*) tại thửa đất số 16 theo giấy CNQSD đất số C938471 do UBND huyện H cấp ngày 11/01 /1994 mang tên người sử dụng đất Nguyễn Kinh

Năm 1994, ông Nguyễn K được UBND huyện H cấp giấy CNQSD đất số C 938471 tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 08, xã H diện tích 4.765 m2 đất (*trong đó: 200 m đất ở và 4.565 m đất vườn*). Đến ngày 14/02/1999 ông Nguyễn K chết không để lại di chúc.

Đến năm 2006, khi thực hiện dự án đa dạng hóa về đo đạc cấp đổi lại giấy CNQSD đất, thửa đất trên được UBND huyện cấp đổi giấy CNQSD đất số AI 189258 ngày 19/12/2006 tại thửa đất số 888, tờ bản đồ số 16, xã H diện tích 4.188 m đất (*trong đó: 200 m đất ở tại nông thôn và 3.988 m đất trồng cây hàng năm khác*) mang tên ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D (*là con riêng của ông* Nguyễn K).

Tại thời điểm trên, ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D chưa làm các thủ tục liên quan về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn K.

Như vậy, giấy CNQSD đất số AI 189258 đã cấp ngày 19/12/2006 cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D là không đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật đất đai 2013.

Ngày 16/10/2018, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 669/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy CNQSD đất số AI 189258 đã được UBND huyện H cấp ngày 19/12/2006 cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D, thường trú tại thôn P, xã H tại thửa đất số 888, tờ bản đồ số 16, xã H, diện tích 4.188 m^2 đất (*trong đó: 200 m^2 đất ở tại nông thôn và 3.988 m^2 đất trồng cây hàng năm khác*).

Do vậy, đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh căn cứ các quy định pháp luật để thực hiện chia di sản là quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định.

- Đối với yêu cầu hủy các giấy CNQSD đất số AI 189450, AI 189451, AI189452, AI 189453. Xét đề nghị của UBND xã H, biên bản xét cấp GCN QSD đất ghi ngày 10/7/2006 của tiểu ban rà soát cấp đổi giấy CNQSD đất thôn P, xã H và các hồ sơ kèm theo ngày 13/11/2006, UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 1569/QĐ-UBND về việc cấp giấy CNQSD đất cho nhân dân xã H trong có hộ ông Nguyễn Thanh T1, bà Văn Thị D là thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp giấy.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 158, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 243; 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33; khoản 2 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất 4.365m^2, tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16; địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo GCNQSDĐ số C 938471 cấp ngày 11/01/1994 mang tên ông Nguyễn K.

1.1. Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh h di sản thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất có ký hiệu BHK 888/2, diện tích 437m^2 (*trong đó: 20m2 đất ở; 417m^2 đất trồng cây hàng năm);*

1.2. Giao cho bà Nguyễn Thị P hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất có ký hiệu BHK 888/3, diện tích 437m^2 (*trong đó: 20m^2 đất ở; 417m^2 đất trồng cây hàng năm);*

1.3. Giao cho bà Nguyễn Thị T2 hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất có ký hiệu BHK 888/4, diện tích 437m^2 (*trong đó có 20m^2 đất ở; 417m^2 đất trồng cây hàng năm);*

1.4. Giao cho ông Nguyễn Thanh T1 hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất và ngôi nhà gắn liền tại thửa đấtcó ký hiệu BHK 888/1, diện tích 3.054m^2 (*trong đó: 120m^2 đất ở; 2.934m^2 đất trồng cây hàng năm*).

(*Kèm theo sơ đồ đo vẽ thửa đất ngày 02/11/2022 của* Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - chi nhánh huyện H)

2. Đình chỉ yêu cầu nguyên đơn đã rút về việc chia di sản thừa kế các thửa đất và Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng diện tích đất 3040m^2, tại thửa đất số 887, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy CNQSD đất số AI 189450 cấp ngày 13/11/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 893m^2 tại thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 16 theo GCNQSDĐ số AI 189451 cấp ngày 13/11/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 381m^2 tại thửa đất số 456, tờ bản đồ số 15 theo GCNQSDĐ số AI 189452 cấp ngày 13/11/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 161m^2 tại thửa đất số 527, tờ bản đồ số 15 theo GCNQSDĐ số AI 189453 cấp ngày 13/11/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T2, kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm hoặc sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia đều di sản thừa kế cho các đồng thừa kế đối với toàn bộ diện tích đất 4.365m^2.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Nguyễn Thị L đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo, huỷ Bản án sơ thẩm hoặc sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia đều cho các đồng thừa kế toàn bộ diện tích đất 4.365m^2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị đơn, Trợ giúp viên pháp lý bà Lê Thị Diệu H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án đã được xem xét thẩm tra công khai tại phiên toà; kết quả tranh tụng; xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đều cùng nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ Bản án sơ thẩm hoặc sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia đều di sản thừa kế cho các đồng thừa kế đối với toàn bộ diện tích đất 4.365m^2.

[2] Xét nội dung kháng cáo đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi thụ lý vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng dân sự theo pháp luật quy định. Đã xác định và triệu tập đầy đủ các bên đương sự tham gia tố tụng, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ; xác định đúng di sản thừa kế và hàng thừa kế, giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Trong giai đoạn phúc thẩm, bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có văn bản trình bày ý kiến cho rằng, tại biên bản làm việc với UBND xã H ngày 10/8/2023, ông Nguyễn N1 đã xác nhận rằng, lúc đó tôi (tức là ông Nguyễn N1) là Phó chủ tịch xã ký xác nhận vào đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ở của bà T4 vào ngày 8/6/2006...con của bà T4 đem đến nhưng không rõ người nào. Như vậy, UBND xã H vẫn xác nhận có xác nhận vào đơn xin chuyển quyền sử dụng đất của bà T4 chứ không phủ quyết nội dung này. Về ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm không đưa UBND xã H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Thấy rằng, UBND xã H là cơ quan xác nhận vào đơn xin chuyển quyền sử dụng đất của bà T4 vào ngày 07/6/2006. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã xác định UBND huyện H (cơ quan hành chính nhà nước cấp trên của UBND xã H) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên việc không đưa UBND xã H vào tham gia tố tụng là không vi phạm tố tụng.

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được lý do huỷ Bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo đề nghị sửa Bản sơ thẩm, theo hướng chia đều di sản thừa kế cho các đồng thừa kế đối với diện tích đất 4.365m^2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia dia sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại 5 thửa đất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế và hủy giấy CNQSD đất các thửa: GCNQSDĐ số AI 189450 cấp ngày 13/11/2006, tại thửa đất số 887, tờ bản đồ số 16, diện tích 3040m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D; GCNQSDĐ số AI 189451 cấp ngày 13/11/2006, tại thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 16, diện tích 893m^2 mang tên hộ ông Nguyễn

Thanh T1 và bà Văn Thị D; GCNQSDĐ số AI 189452 cấp ngày 13/11/2006, tại thửa đất số 456, tờ bản đồ số 15, diện tích 381m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D; GCNQSDĐ số AI 189453 cấp ngày 13/11/2006, tại thửa đất số 527, tờ bản đồ số 15, diện tích 161m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 243; 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu mà người khởi kiện đã rút, là đúng.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu Toà án giải quyết chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16, diện tích 4.765m^2 (kết quả đo đạc thẩm định tại chổ là 4.365m^2), theo GCNQSDĐ số C938471 do UBND huyện H cấp ngày 11/01/1994, mang tên ông Nguyễn K.

[3.2] Sau khi xác định tài sản chung của ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị T4 là Q sử dụng diện tích đất 4765m^2 (*kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ là 4.365m2*) nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo hiện trạng sử dụng tại kết quả thẩm định tại chổ của thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16 theo GCNQSDĐ số C 938471 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/01/1994. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thì giá trị quyền sử dụng đất 379.032.000 đồng.

Theo đơn "*Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ở*" của bà Nguyễn Thị T4 lập ngày 07/6/2006 có xác nhận của UBND xã H là ý nguyện của bà T4 về việc giao quyền sử dụng đất của mình cho ông T1. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà P, bà T2) cho rằng văn bản trên không phải chữ ký của bà T4 nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Ngày 7/8/2023, bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giám định chứ ký để xác định có phải chứ ký của bà T4 không, tuy nhiên ngày 11/8/2023, bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo uỷ quyền của bà T đã có dơn xin rút đơn đề nghị giám định ngày 07/8/2023.

Thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm xác định tài sản của ông Nguyễn K trong khối tài sản chung với bà T4 là 2.182m^2 đất (4.365m^2 : 2) có giá trị tương ứng là 189.516.000 đồng, là di sản thừa kế để chia thừa kế là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3.3] Do ông Nguyễn K chết năm 1999, không để lại di chúc, do đó di sản được chia theo pháp luật.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn K gồm: Bà Nguyễn Thị T4 là vợ và các con gồm Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Thanh T1 (ông T1 là con riêng của ông K). Ngoài ra, ông K và bà T4 còn có 01 người con là anh Nguyễn P1 mất năm 1968 (Là Liệt sỹ), chết trước ông K và không có vợ, con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì "*những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau*", theo đó hàng thừa kế thứ nhất của ông K có 05 người, nên diện tích đất 2.182m^2 được chia cho các đồng thừa kế. Phần diện tích ông T1, bà T, bà P, bà T2, và bà T4 mỗi người

được hưởng 437m^2, có giá trị 37.903.000 đồng. Trong đó phần di sản thừa kế bà T4 được chia cho ông T1 theo nguyện vọng của bà T4.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bà bà T, bà T2, bà P mỗi người được hưởng là 437m^2, có trị giá 37.903.000 đồng; ông T1 được hưởng là 3.054 m^2 có giá trị 265.323.000 đồng.

Từ phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có cơ sở, đã xác định đúng di sản thừa kế, hàng thừa kế và xử đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật; kháng cáo của nguyên đơn và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có cơ sở, không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Tuy kháng cáo không được chấp nhận nhưng Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị T2 là người cao tuổi (trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí) nên Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà T, bà P và bà T2.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T2, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 158, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 243; 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33; khoản 2 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất 4.365m^2, tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16; địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo GCNQSDĐ số C 938471 cấp ngày 11/01/1994 mang tên ông Nguyễn K.

1.1. Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh h di sản thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất có ký hiệu BHK 888/2, diện tích 437m^2 (*trong đó: 20m^2 đất ở; 417m^2 đất trồng cây hàng năm);*

1.2. Giao cho bà Nguyễn Thị P hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất có ký hiệu BHK 888/3, diện tích 437m^2 (*trong đó: 20m2 đất ở; 417m^2 đất trồng cây hàng năm);*

1.3. Giao cho bà Nguyễn Thị T2 hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất có ký hiệu BHK 888/4, diện tích 437m^2 (*trong đó có 20m^2 đất ở; 417m^2 đất trồng cây hàng năm);*

1.4. Giao cho ông Nguyễn Thanh T1 hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất và ngôi nhà gắn liền tại thửa đất có ký hiệu BHK 888/1, diện tích 3.054m^2 (*trong đó: 120m^2 đất ở; 2.934m^2 đất trồng cây hàng năm*).

(*Kèm theo sơ đồ đo vẽ thửa đất ngày 02/11/2022 của* Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - chi nhánh huyện H-*BL 282*)

2. Đình chỉ yêu cầu nguyên đơn đã rút về việc chia di sản thừa kế các thửa đất và Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng diện tích đất 3040m^2, tại thửa đất số 887, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy CNQSD đất số AI 189450 cấp ngày 13/11/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 893m^2 tại thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 16 theo GCNQSDĐ số AI 189451 cấp ngày 13/11/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 381m^2 tại thửa đất số 456, tờ bản đồ số 15 theo GCNQSDĐ số AI 189452 cấp ngày 13/11/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 161m^2 tại thửa đất số 527, tờ bản đồ số 15 theo GCNQSDĐ số AI 189453 cấp ngày 13/11/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh T1 và bà Văn Thị D.

3. Về án phí phúc thẩm dân sự: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị P, và bà Nguyễn Thị T2 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao – Vụ GĐKT III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường